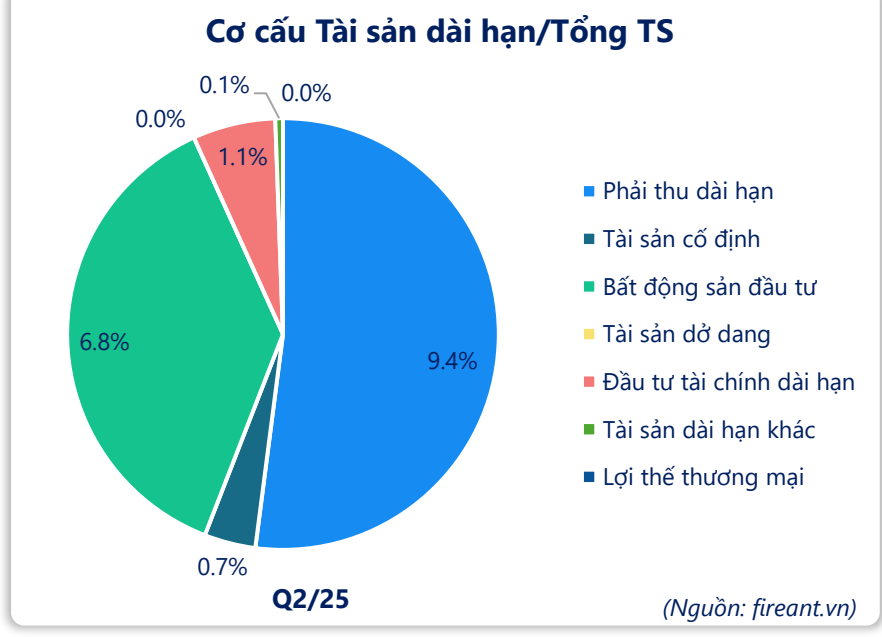
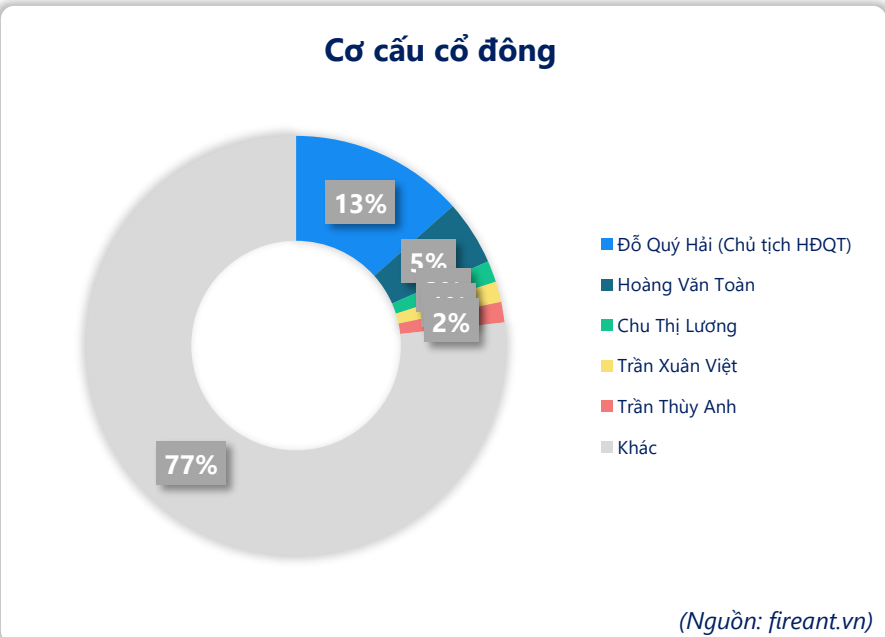
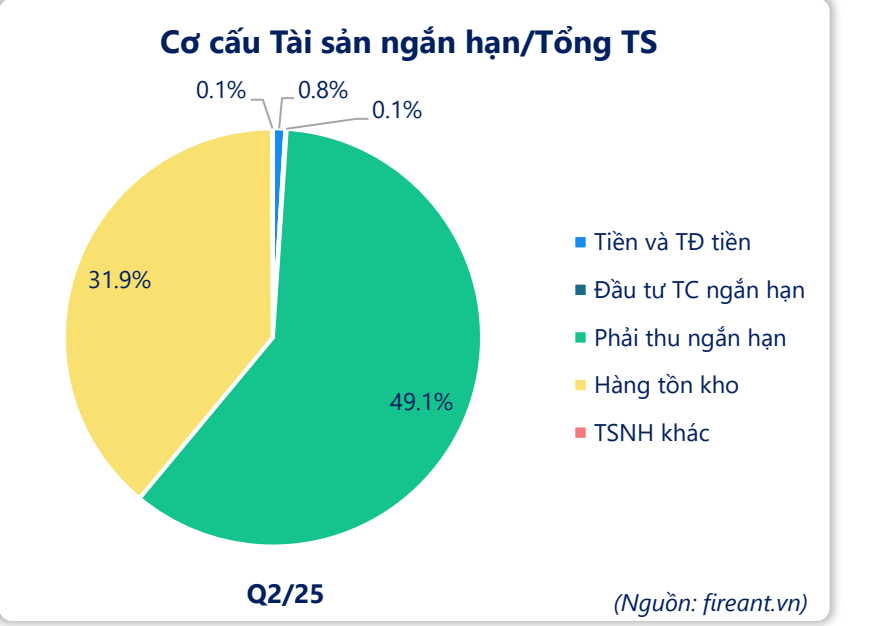
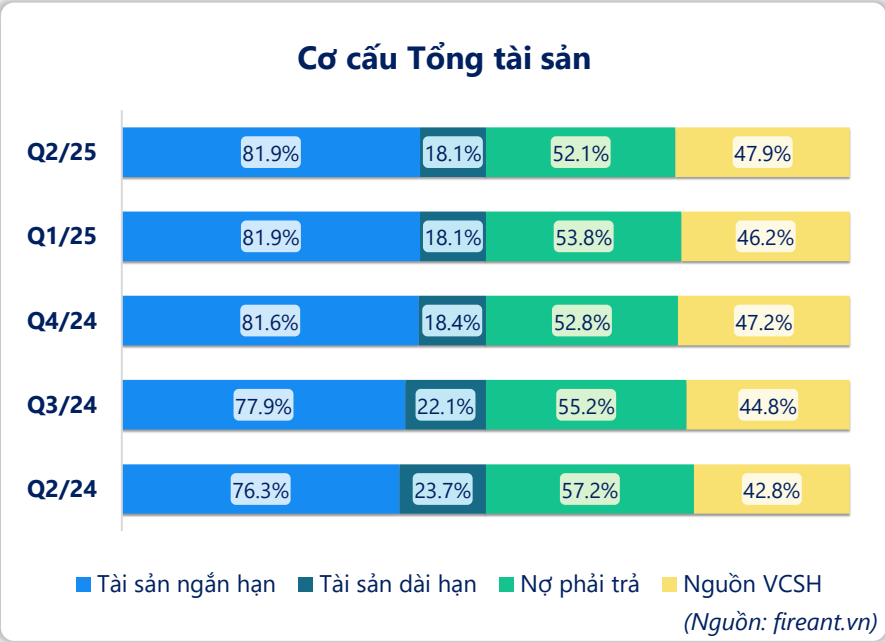
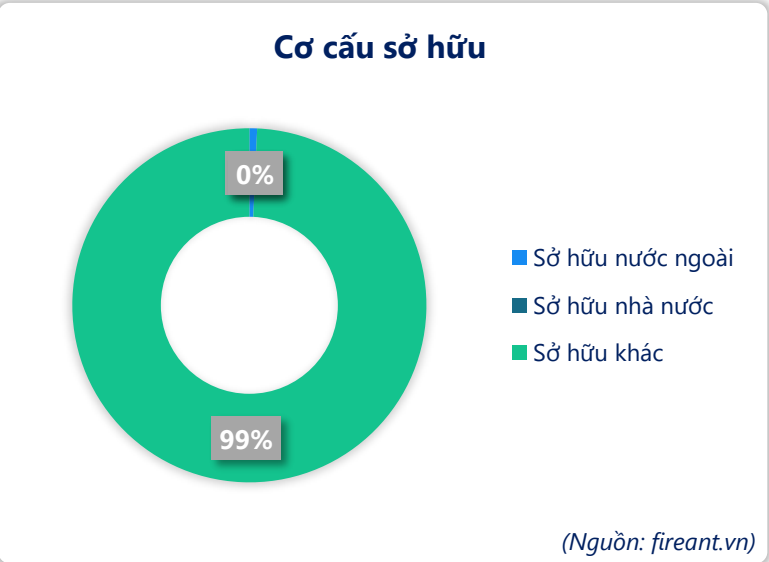
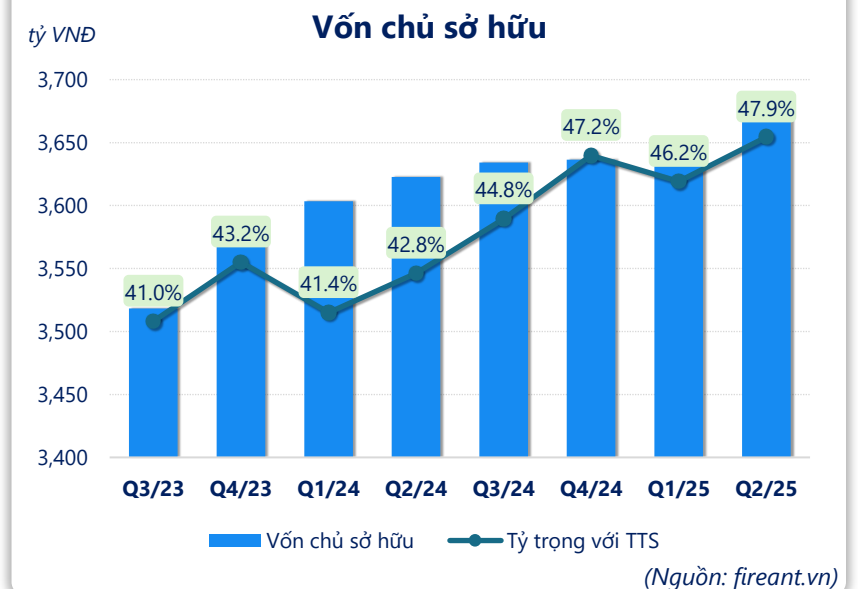
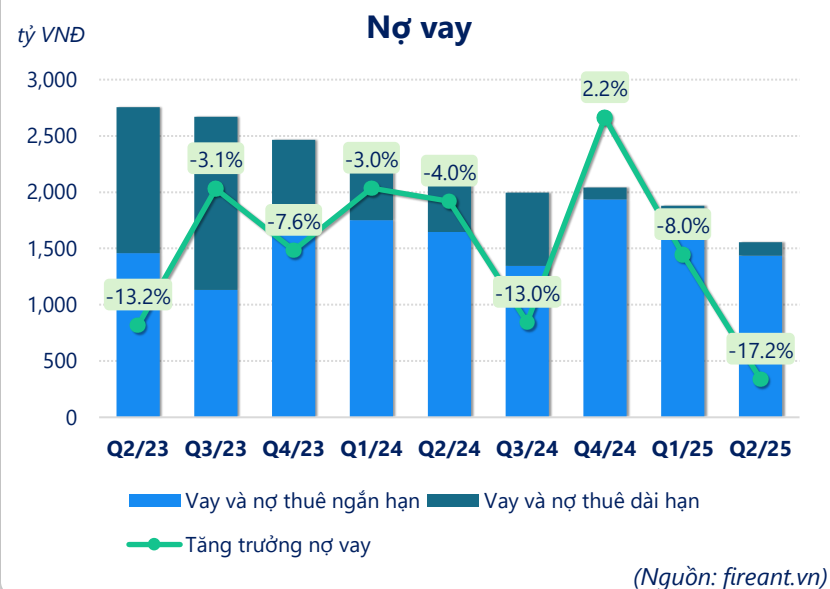
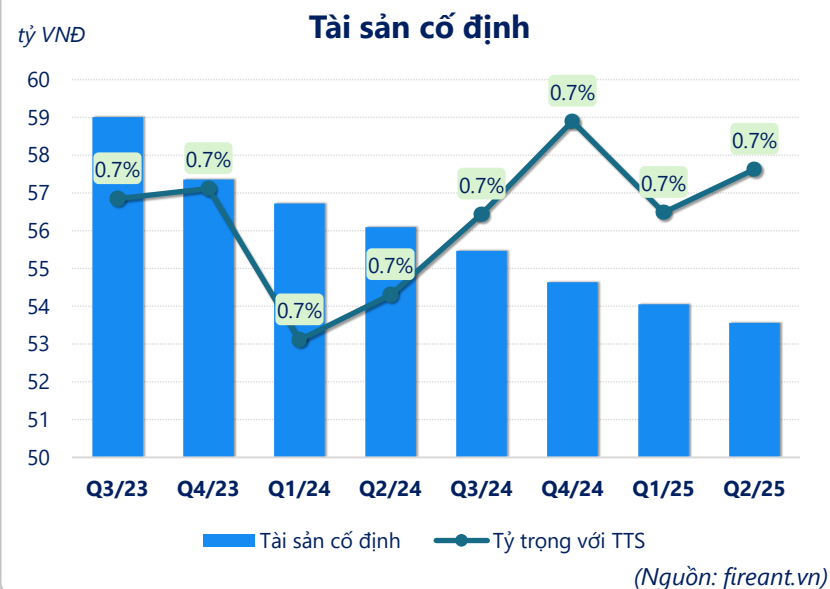
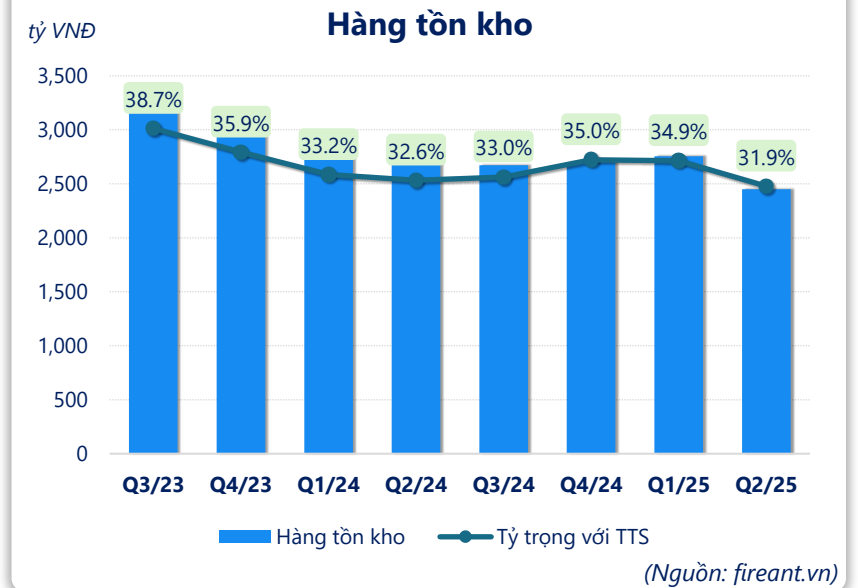
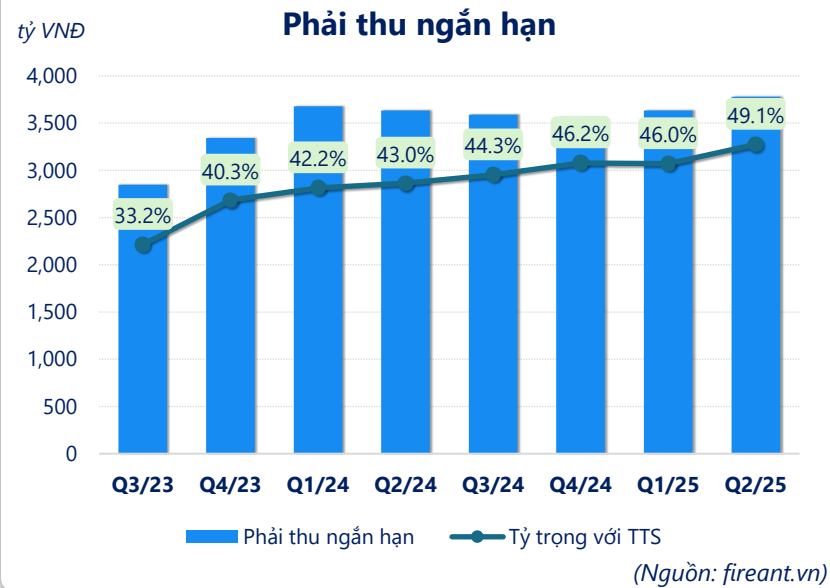
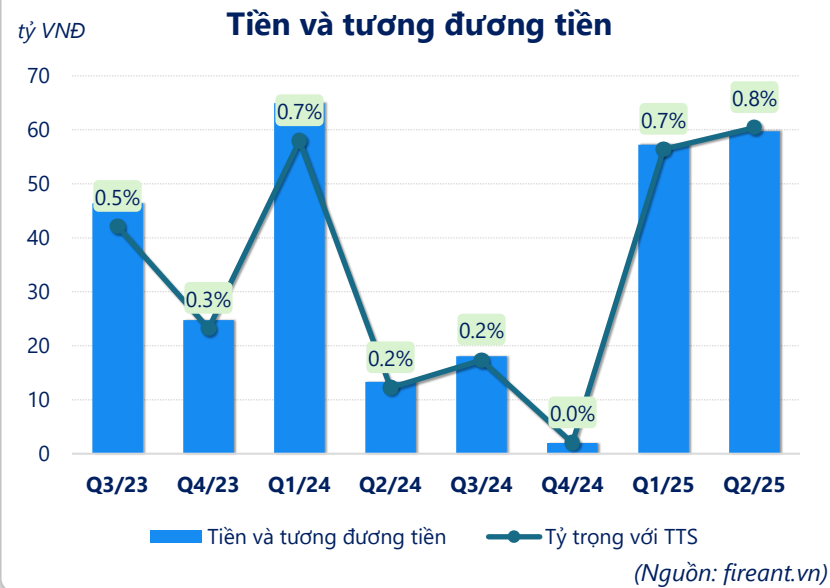
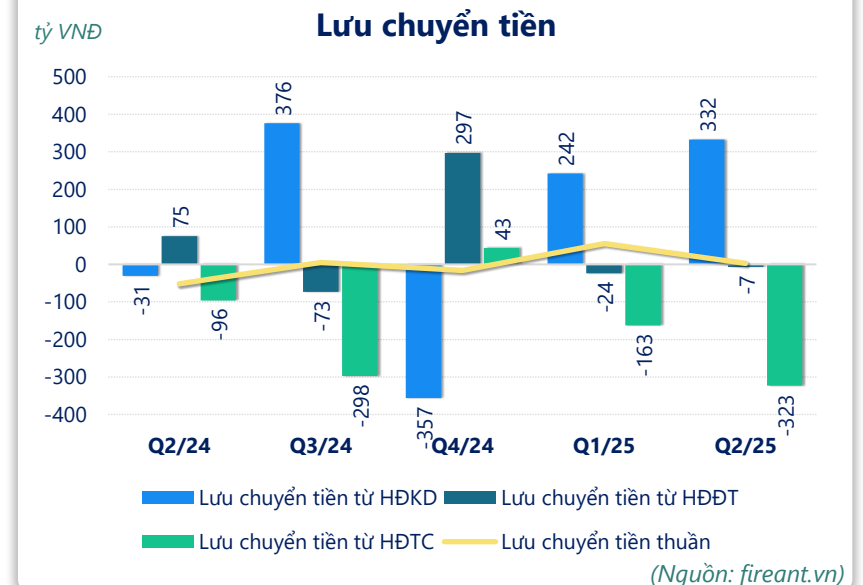
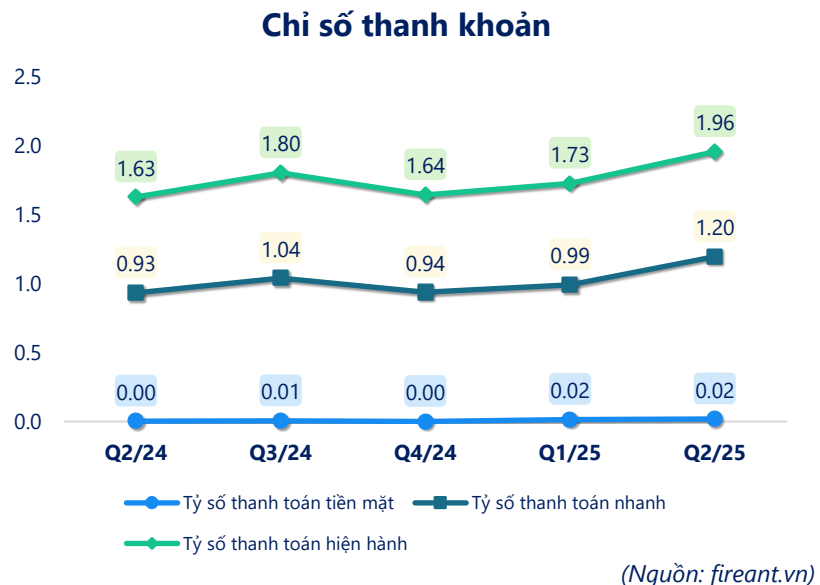
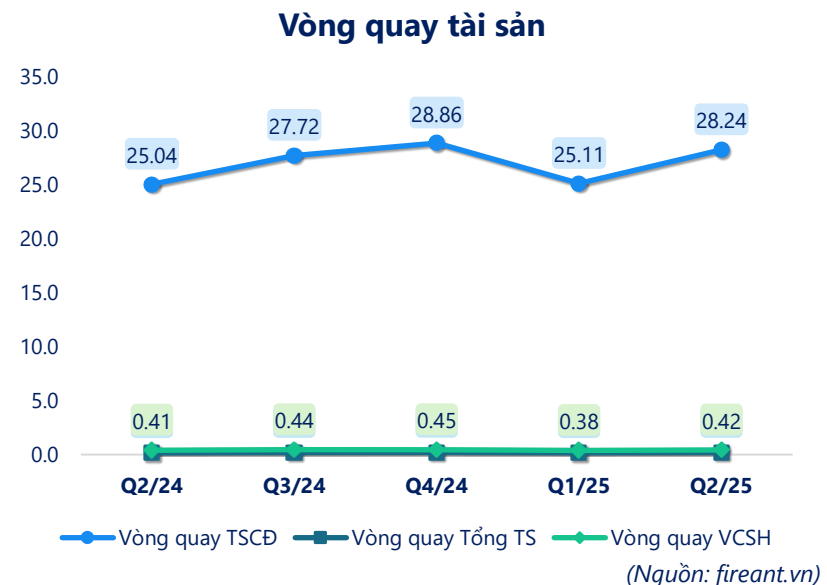
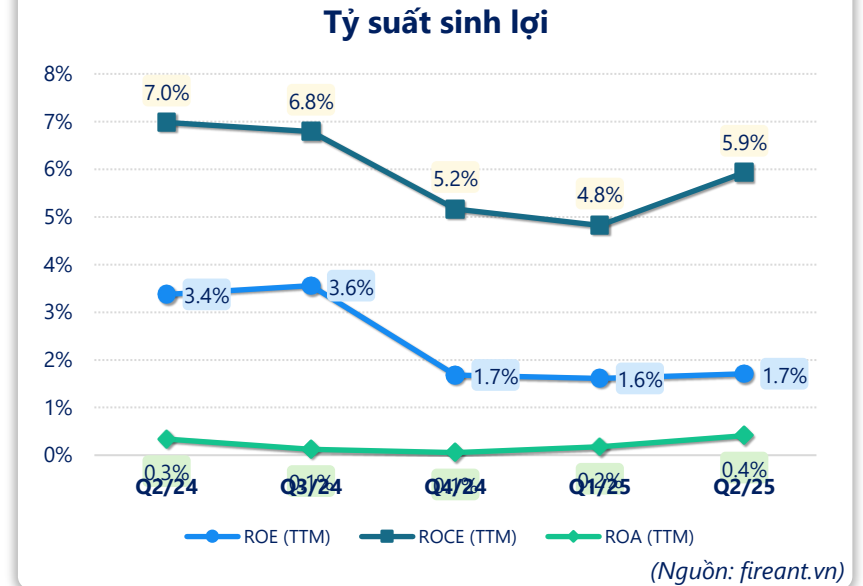
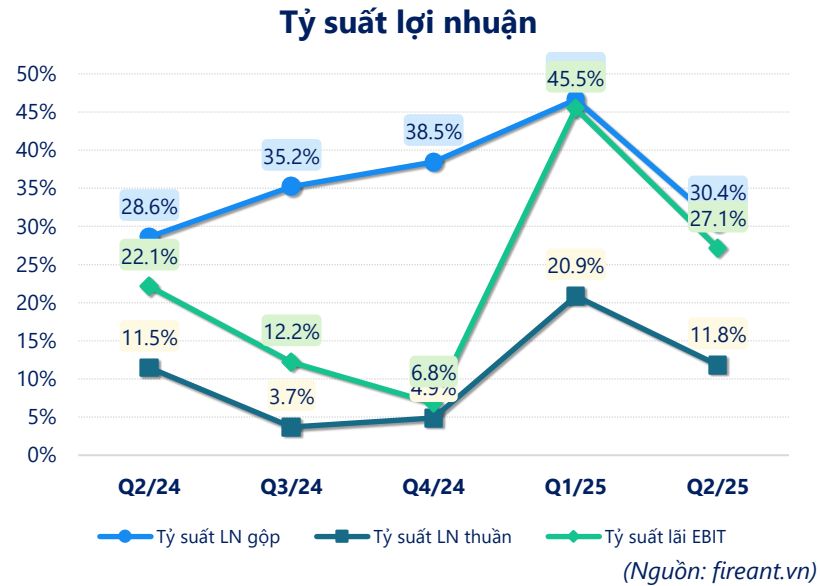
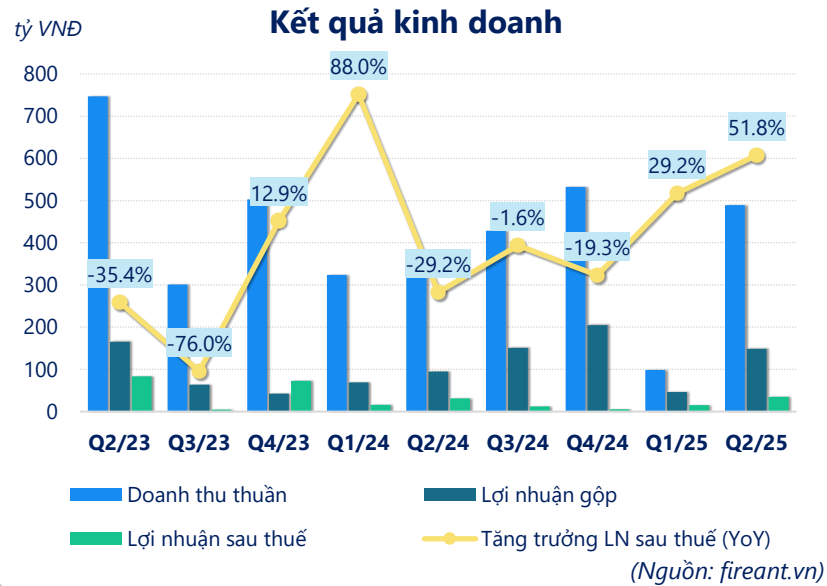


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		4,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		6,310
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,460
SL cổ phiếu LH		304,168,581
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,077,000
% sở hữu nước ngoài		0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,293
P/E		20.7
EPS		205

	YTD	1T	3T	6T
HPX	-10.3%	-3.2%	-6.0%	-9.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	7,693	7,702	-0.1%
Tài sản ngắn hạn	6,301	6,280	0.3%
Tiền và tương đương tiền	59.8	1.97	2931%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.75	6.70	0.7%
Phải thu ngắn hạn	3,779	3,555	6.3%
Hàng tồn kho	2,451	2,697	-9.1%
Tài sản ngắn hạn khác	4.37	19.3	-77.4%
Tài sản dài hạn	1,391	1,421	-2.1%
Phải thu dài hạn	724	714	1.5%
Tài sản cố định	53.6	54.6	-2.0%
Bất động sản đầu tư	519	552	-5.9%
Tài sản dở dang	0	5.95	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	86.3	86.3	0.0%
Tài sản dài hạn khác	7.97	9.07	-12.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,010	4,068	-1.4%
Nợ ngắn hạn	3,220	3,821	-15.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,436	1,936	-25.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	179	198	-9.6%
Nợ dài hạn	790	247	220%
Vay và nợ thuê dài hạn	120	105	13.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,683	3,634	1.3%
Vốn chủ sở hữu	3,683	3,634	1.3%
Vốn điều lệ	3,042	3,042	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	331	429	532	98.7	489
Giá vốn hàng bán	237	278	327	52.7	340
Lợi nhuận gộp	94.9	151	205	46.0	149
Doanh thu HĐTC	12.8	11.3	34.9	9.86	21.0
Chi phí TC	28.1	106	107	24.7	75.5
Chi phí lãi vay	27.5	32.8	12.2	24.4	75.2
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	28.0	27.5	43.1	0.45	0.45
Chi phí QLDN	13.5	13.4	63.4	10.2	36.0
LN thuần từ HĐKD	38.1	15.9	26.0	20.6	57.7
Lợi nhuận khác	7.81	3.61	-1.99	-0.09	-0.45
LN trước thuế	45.9	19.5	24.0	20.5	57.2
Lợi nhuận sau thuế	31.4	11.9	5.68	15.0	35.2
LNST của CĐ cty mẹ	29.0	10.5	4.38	14.5	33.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-30.6	376	-357	242	332
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	75.1	-73.1	297	-24.0	-6.77
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-96.2	-298	43.2	-163	-323
Tiền đầu kỳ	64.9	13.3	18.1	1.97	57.2
Lưu chuyển tiền thuần	-51.7	4.79	-16.1	55.3	2.53
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	13.3	18.1	1.97	57.2	59.8

(Nguồn: fireant.vn)